

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2030” với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. YÊU CẦU VÀ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển Hải quan phải đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước; tuân thủ các quy định của pháp luật; đồng bộ, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và chương trình cải cách nền hành chính Nhà nước; theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế về phát triển Hải quan; thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Phát triển Hải quan nhằm tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại, chống buôn lậu và gian lận thương mại hiệu quả; thực thi đầy đủ, toàn diện các cam kết quốc tế về thuế xuất nhập khẩu, hải quan và tạo thuận lợi thương mại mà Việt Nam đã ký kết; ứng phó hiệu quả với các thay đổi liên quan tới các

biện pháp phòng vệ thương mại trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về Hải quan, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

3. Phát triển Hải quan trên cơ sở kế thừa, phát triển các thành tựu cải cách, hiện đại hóa đã đạt được, đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, tiếp tục hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý Nhà nước về Hải quan.

4. Lấy cải cách, hiện đại hóa làm cơ sở, hiện đại hóa mô hình quản lý hải quan làm trọng tâm, đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong ngành hải quan làm nền tảng cho phát triển Hải quan trong thời kỳ mới.

5. Tập trung đầu tư để hiện đại hóa hải quan tại các vùng, địa bàn trọng điểm, đồng thời có tính đến sự phát triển cân đối, hài hòa giữa các vùng, địa bàn đảm bảo sự phát triển, hiện đại hóa chung của Hải quan Việt Nam.

6. Kết hợp phát huy nội lực là chính, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ bên ngoài để phát triển nhanh, bền vững.

II. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Hải quan Việt Nam chính quy, hiện đại, ngang tầm Hải quan các nước phát triển trên thế giới, dẫn đầu trong thực hiện Chính phủ số, với mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh. Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan, quản lý hải quan. Quản lý thu thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu hiệu quả. Tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, du lịch và vận tải hợp pháp qua biên giới, tạo môi trường xuất nhập khẩu minh bạch, công bằng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, góp phần đảm bảo an ninh, an toàn xã hội và bảo vệ lợi ích, chủ quyền quốc gia.

2. Các mục tiêu chủ yếu

a) Tiếp tục xây dựng nền tảng pháp luật về Hải quan hiện đại, đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc xây dựng, triển khai mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh. Các quy định pháp luật về hải quan và pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu có sự gắn kết thống nhất. Quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật, chống thất thu, gian lận thuế. Cải cách thủ tục hành chính hải quan theo hướng minh bạch, đơn giản, thống nhất, phù hợp với các chuẩn mực và khuyến nghị của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) nhằm giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục thông quan, giải phóng hàng.

b) Tập trung hóa, hiện đại hóa, tự động hóa công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; đẩy mạnh kiểm tra trước và sau thông quan, giảm tỷ lệ kiểm tra trong quá trình làm thủ tục hải quan; triển khai mô hình biên giới thông minh, hải quan xanh theo khuyến nghị của WCO.

c) Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Kết hợp đồng bộ, hiệu quả giữa phương pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan hiện đại với phương pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan truyền thống nhằm chủ động, phòng ngừa từ xa, từ sớm.

d) Xây dựng Hệ thống công nghệ thông tin hải quan tập trung, tích hợp thông minh đảm bảo các yêu cầu về an toàn thông tin hệ thống, với nền tảng số, phù hợp với kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuẩn mực quốc tế, ứng dụng mạnh mẽ những thành tựu khoa học, công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, máy móc, trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước về Hải quan trong tình hình mới, thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN, kết nối với các đối tác thương mại của Việt Nam... nhằm tập trung hóa tối đa xử lý thủ tục hành chính, kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa cơ quan Hải quan với các bộ, ngành, các cơ quan chức năng thuộc và trực thuộc các bộ, ngành, các cơ quan quản lý Nhà nước tại cửa khẩu và đơn vị có liên quan tham gia chuỗi cung ứng đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước về Hải quan toàn diện từ khâu đầu đến khâu cuối đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

đ) Đổi mới tổ chức bộ máy hải quan với cơ cấu tinh gọn hợp lý, giảm đầu mối trung gian. Đẩy mạnh xây dựng và triển khai mô hình quản lý nguồn nhân lực theo năng lực dựa trên vị trí việc làm. Phát triển nguồn nhân lực tinh thông nghiệp vụ, liêm chính, chuyên nghiệp, làm chủ được công nghệ, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh và các nhiệm vụ chính trị của ngành Hải quan.

e) Đẩy mạnh công tác hợp tác và hội nhập quốc tế về hải quan toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả, nâng cao vai trò, vị thế và uy tín của Hải quan Việt Nam trong cộng đồng hải quan thế giới; phát triển quan hệ hợp tác, đối tác giữa Hải quan với các bên liên quan tạo nền tảng và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về Hải quan. Nâng cao mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan.

g) Triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu” (sau đây gọi tắt là Đề án Cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu).

3. Một số chỉ tiêu chủ yếu

a) Đến năm 2025

- Cơ bản hoàn thành Hải quan số.
- Hoàn thành tái thiết kế tổng thể hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thực hiện nghiệp vụ hải quan hướng tới Hải quan số và đáp ứng các yêu cầu về an toàn thông tin hệ thống.
- Hoàn thiện môi trường làm việc điện tử trong ngành Hải quan; hướng tới môi trường phi giấy tờ trong quản lý Nhà nước về Hải quan thông qua việc đẩy mạnh sử dụng chữ ký số đảm bảo: 90% hồ sơ công việc tại Tổng cục Hải quan được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước).
- Kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số với Hệ thống chỉ đạo, điều hành của Bộ Tài chính và Hệ thống công nghệ thông tin báo cáo Chính phủ.
- 80% hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống công nghệ thông tin của Tổng cục Hải quan.
- Cổng thông tin một cửa quốc gia đáp ứng yêu cầu trở thành điểm tiếp nhận và chia sẻ thông tin, dữ liệu, chứng từ điện tử cho tất cả các bên tham gia vào hoạt động thương mại xuyên biên giới, chuỗi cung ứng, logistics thông qua việc tập trung hóa dữ liệu và tập trung hóa việc xử lý dữ liệu.
- 100% các thủ tục hành chính trong lĩnh vực cấp phép, kiểm tra chuyên ngành cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh được thực hiện thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.
- 100% thủ tục hành chính có nhu cầu sử dụng cao được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cho người dân, doanh nghiệp và được thực hiện trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, đồng thời được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Mở rộng ký kết thỏa thuận hợp tác phối hợp thu ngân sách nhà nước theo phương thức nộp thuế điện tử và thông quan 24/7.
- 100% hồ sơ nghiệp vụ điều tra địa bàn trọng điểm được xác lập và đảm bảo có chất lượng.
- 100 % hồ sơ nghiệp vụ kiểm soát hải quan cơ bản được chuyển sang dữ liệu điện tử, tiến tới số hóa.
- Hoàn thành nội luật hóa các cam kết quốc tế trong lĩnh vực hải quan.

- Ký kết tối thiểu 02 điều ước quốc tế về hải quan với các nước đối tác, đặc biệt là các nước đối tác lớn, có tầm quan trọng chiến lược. Ký kết tối thiểu 01 thỏa thuận công nhận lẫn nhau doanh nghiệp ưu tiên với hải quan các nước.

- Hoàn thành các chỉ tiêu trong lĩnh vực hải quan theo Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

b) Đến năm 2030

- 100% các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan đối với các loại hình cơ bản được chuyển sang dạng dữ liệu điện tử, tiến tới được số hóa.

- 100% cảng, cửa khẩu quốc tế trọng điểm được triển khai hệ thống quản lý giám sát hàng hóa tự động, trang bị hệ thống soi chiếu hàng hóa, hành lý, hệ thống giám sát camera và các thiết bị hỗ trợ trong công tác kiểm tra, giám sát hải quan. Kết quả, hình ảnh, thông tin được truyền trực tiếp về trung tâm xử lý tập trung của cơ quan Hải quan và chia sẻ thông tin với các bộ, ngành và các đơn vị có liên quan tại cửa khẩu.

- 100% hàng hóa thuộc đối tượng rủi ro cao vận chuyển bằng container chịu sự giám sát hải quan được giám sát bằng phương tiện kỹ thuật hiện đại, dữ liệu được kết nối về trung tâm xử lý tập trung của cơ quan Hải quan.

- 100% các cửa khẩu đường bộ triển khai hệ thống tiếp nhận và xử lý thông tin khai trước về hàng hóa xuất nhập khẩu trước khi phương tiện vận chuyển hàng hóa qua biên giới.

- 100% các doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp tự nguyện tuân thủ pháp luật, doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp thực hiện hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu, kết nối chia sẻ dữ liệu quản trị sản xuất với cơ quan Hải quan.

- Tỷ lệ tờ khai phải kiểm tra hồ sơ không quá 30%, tỷ lệ tờ khai phải kiểm tra thực tế hàng hóa không quá 4,5%.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nợ thuế, phấn đấu 100% các doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu phát sinh nợ thuế được theo dõi, cập nhật tự động trên hệ thống điện tử của cơ quan Hải quan.

- Hoàn thành 100% hồ sơ điều tra nghiên cứu toàn diện tất cả các tuyến (đường bộ, đường biển, đường hàng không); hàng tháng thực hiện đánh giá tổng thể từng tuyến, địa bàn, cập nhật thông tin và theo dõi quản lý để triển khai công tác kiểm soát, không để xảy ra điểm nóng về buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

- 100 % hồ sơ nghiệp vụ kiểm soát hải quan cơ bản được số hóa.

- Phân đấu mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan đạt 95% trở lên đối với các chỉ tiêu chính thuộc các nội dung: Tiếp cận thủ tục hành chính hải quan, thực hiện thủ tục hành chính hải quan, sự phục vụ của công chức hải quan.

- Hoàn thành Hải quan thông minh.

- Thiết lập và duy trì tối thiểu 30 kênh hợp tác và liên lạc thường xuyên với các đối tác hải quan quan trọng trên thế giới. Ký kết tối thiểu 05 điều ước quốc tế về hải quan với các nước đối tác, đặc biệt là các nước đối tác lớn, có tầm quan trọng chiến lược. Cử đại diện Hải quan Việt Nam tại một số nước đối tác/khu vực quan trọng, trọng điểm.

4. Giải pháp thực hiện

a) Thể chế

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật về hải quan hiện đại, đồng bộ, thống nhất, minh bạch, phù hợp với các cam kết quốc tế; trọng tâm là xây dựng Luật Hải quan thay thế Luật Hải quan hiện hành, đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ để: Thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về Hải quan; xây dựng mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh, Biên giới thông minh, Hải quan xanh; áp dụng đồng bộ phương pháp quản lý theo chuỗi, theo định danh; áp dụng cơ chế quản lý hải quan phù hợp với từng đối tượng quản lý, khuyến khích người khai hải quan tuân thủ pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, tăng cường phối hợp với các tổ chức quốc tế, tổ chức trong nước trong hoạt động kiểm soát hải quan; ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ hiện đại trong quản lý Nhà nước về Hải quan; kết nối, trao đổi thông tin với các cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu.

- Rà soát, kiến nghị sửa đổi hệ thống pháp luật về quản lý và kiểm tra chuyên ngành để thực hiện Đề án Cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

- Cải cách thủ tục hành chính hải quan theo hướng tiếp tục đơn giản, hài hòa hóa thủ tục hải quan, các chế độ quản lý hải quan theo chuẩn mực của Hải quan thế giới, tạo nền tảng để tái thiết kế các quy trình thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh.

b) Nghiệp vụ hải quan

- Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan

- + Áp dụng phương pháp quản lý theo chuỗi: Triển khai mô hình quản lý chuỗi cung ứng tích hợp theo hướng dẫn tại Khung an ninh và tạo thuận lợi thương mại (SAFE) của WCO; quản lý theo chuỗi giá trị đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước về Hải quan đối với toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Nghiên cứu, từng bước triển khai thực hiện bảo hiểm bảo lãnh thông quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.

+ Tái thiết kế hệ thống quy trình thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan làm cơ sở để xây dựng mô hình Hải quan số theo kiến trúc Chính phủ số, Hải quan thông minh theo khuyến nghị của WCO với mức độ số hóa và tự động hóa ngày càng cao.

+ Triển khai mô hình quản lý biên giới hải quan thông minh theo khuyến nghị của WCO đảm bảo cơ quan Hải quan có thể giám sát, kiểm soát hàng hóa từ đầu vào các nguồn nguyên liệu đến khi đưa vào sản xuất, chế biến, vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu.

+ Triển khai hải quan xanh, khuyến khích và thúc đẩy hoạt động thương mại hướng tới phát triển bền vững theo mô hình nền kinh tế tuần hoàn thông qua việc triển khai hiệu quả các điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường và động vật hoang dã mà Việt Nam đã ký kết, có những biện pháp khuyến khích doanh nghiệp xuất nhập khẩu thực hiện các giải pháp theo mô hình nền kinh tế tuần hoàn. Giám sát và kiểm soát hiệu quả sự di chuyển hàng hóa xuyên biên giới, kịp thời ngăn chặn các vi phạm ảnh hưởng tới sức khỏe con người, ảnh hưởng tới môi trường, hệ sinh thái bảo vệ động vật hoang dã.

+ Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án Cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu.

+ Xây dựng, triển khai mô hình thông quan tập trung thông qua việc hình thành các địa điểm kiểm tra hồ sơ hải quan tập trung tại các Hải quan Vùng. Xây dựng, triển khai mô hình địa điểm kiểm tra thực tế hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại trong công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

- Quản lý thuế

+ Rà soát, kiến nghị áp dụng đồng bộ chính sách thuế, chú trọng việc áp dụng chính sách quản lý thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa tại khâu nhập khẩu thống nhất với hàng hóa tại khâu nội địa; đề xuất thúc đẩy cải cách hệ thống thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với tình hình đất nước và cam kết quốc tế. Kiến nghị bổ sung, hoàn thiện, đơn giản hóa các mức thuế suất thuế xuất nhập khẩu góp phần quản lý thuế hiệu quả.

+ Tái thiết kế quy trình thủ tục quản lý thuế theo hướng đơn giản hóa, đồng bộ với quy trình thủ tục hải quan làm cơ sở để số hóa các quy trình quản lý thuế từ khâu thu thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đối với hoạt động quản lý thuế trong triển khai mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh với mức độ tự động hóa cao.

- Kiểm tra sau thông quan

+ Xây dựng mô hình tổ chức kiểm tra sau thông quan tập trung ở cấp Tổng cục; áp dụng sâu rộng phương pháp kiểm toán sau thông quan; từng bước áp dụng nghiệp vụ điều tra vào công tác kiểm tra sau thông quan.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kiểm tra sau thông quan theo hướng tự động xác định đối tượng cần kiểm tra sau thông quan trên cơ sở áp dụng mô hình tự động phân tích, đánh giá rủi ro, phân tích số liệu thống kê, các bài toán nghiệp vụ, các dấu hiệu khác thường trên hệ thống công nghệ thông tin của mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh.

+ Tiếp tục hoàn thiện các quy định về doanh nghiệp ưu tiên trên cơ sở khuyến nghị của WCO về: Các điều kiện áp dụng, các chế độ được ưu tiên, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan hải quan và doanh nghiệp, công tác quản lý hải quan đối với các doanh nghiệp ưu tiên, xây dựng và thúc đẩy triển khai các thỏa thuận công nhận lẫn nhau về doanh nghiệp ưu tiên giữa Hải quan Việt Nam và Hải quan các nước đối tác quan trọng trên thế giới.

- Phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới

+ Tăng cường kiểm soát hải quan theo phương thức hiện đại, phù hợp với cam kết quốc tế nhằm đồng thời đạt được các mục tiêu về tạo thuận lợi thương mại và đảm bảo an ninh, an toàn kinh tế quốc gia.

+ Triển khai hiệu quả kiểm soát hải quan; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa, ma túy, chất nổ, vũ khí, chất thải, sản phẩm và mẫu động, thực vật hoang dã qua biên giới.

+ Hoàn thiện cơ sở pháp lý và triển khai kết nối với các cơ quan quản lý nhà nước trao đổi thông tin liên quan đến quản lý Nhà nước về Hải quan để làm cơ sở phân tích, đánh giá, theo dõi, giám sát, tổ chức thực hiện các biện pháp kiểm soát hải quan.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đối với hoạt động kiểm soát hải quan đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh với mức độ số hóa và tự động hóa cao.

+ Tăng cường hợp tác, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế và sử dụng trang thiết bị, công nghệ hiện đại để khai thác dữ liệu kết nối toàn cầu, dữ liệu quốc gia phục vụ hiệu công tác kiểm soát hải quan.

- Quản lý rủi ro

+ Triển khai đồng bộ và đầy đủ việc áp dụng quản lý rủi ro trong các hoạt động nghiệp vụ hải quan.

+ Ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 ((Kết nối Internet vạn vật (IoT), Chuỗi khối (Blockchain), Trí tuệ nhân tạo (AI), Dữ liệu lớn (Bigdata), Phân tích thông minh (BI), ...) để nâng cao hiệu quả nghiệp vụ quản lý rủi ro: Đánh giá tuân thủ, phân loại mức độ rủi ro đối với người khai hải quan; phân tích, đánh giá rủi ro và xác định trọng điểm để cảnh báo rủi ro, áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát phù hợp, hiệu quả ở ba khâu trước, trong và sau thông quan.

+ Mở rộng đối tượng đánh giá tuân thủ là người khai hải quan, triển khai chương trình khuyến khích người khai hải quan tự nguyện tuân thủ pháp luật.

c) Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

- Tổ chức bộ máy

+ Xây dựng tổ chức bộ máy Hải quan 03 cấp (cấp Tổng cục, cấp Vùng và cấp Chi cục) theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối trung gian, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu quản lý theo mô hình nghiệp vụ hải quan tập trung, thông minh.

+ Tổ chức hoạt động của bộ máy theo hướng Hải quan Vùng. Việc tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hải quan theo hướng tập trung theo phương thức điện tử. Việc kiểm tra thực tế, giám sát hàng hóa, theo dõi quản lý hoạt động nhập khẩu hàng hóa cơ bản được giao cho Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan quản lý địa bàn nơi doanh nghiệp có cơ sở sản xuất thực hiện.

+ Nghiên cứu đổi mới tổ chức và hoạt động của các đơn vị chuyên sâu về phân tích, xác định trọng điểm theo từng loại hình cửa khẩu (đường bộ, đường biển, đường hàng không, đường sông, đường sắt); đơn vị phân loại hàng hóa; đơn vị quản lý giá, xuất xứ hàng hóa; đơn vị kiểm tra hồ sơ hải quan.

+ Kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác kiểm định hải quan để triển khai Đề án Cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu.

- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực

+ Xây dựng, phát triển đội ngũ công chức hải quan các cấp có trình độ chuyên môn sâu, hoạt động liêm chính, có tác phong làm việc chuyên nghiệp, làm chủ được công nghệ, trang thiết bị hiện đại, đủ về số lượng, cơ cấu phù hợp, được tổ chức, quản lý khoa học, gắn với nhu cầu thực tiễn của vị trí việc làm với năng lực của từng cá nhân, đáp ứng mô hình quản lý hải quan hiện đại. Đội ngũ công chức cấp Chiến lược có phẩm chất, năng lực, uy tín, tinh nhuệ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia nghiệp vụ 2 cấp Tổng cục và Hải quan vùng.

+ Xây dựng và thực hiện cơ chế tuyển dụng nguồn nhân lực công khai, minh bạch với chế độ đãi ngộ hợp lý đảm bảo thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Hải quan.

+ Xây dựng và triển khai thực hiện mô hình quản lý nguồn nhân lực theo năng lực dựa trên vị trí việc làm, các chính sách phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan tập trung, thông minh.

+ Xây dựng hệ thống quản lý nguồn nhân lực điện tử đảm bảo yêu cầu tự động hóa tối đa các thủ tục quản lý nguồn nhân lực.

+ Xây dựng cơ sở vật chất hiện đại, phương pháp quản lý đào tạo đạt chuẩn của cơ sở đào tạo cấp khu vực và đội ngũ giảng viên chuyên sâu về kiến thức hải quan, kỹ năng sư phạm, một số giảng viên cơ hữu và giảng viên kiêm chức được WCO công nhận là giảng viên của WCO có thể tham gia giảng dạy quốc tế.

+ Nghiên cứu áp dụng triển khai các phương pháp đào tạo hiện đại, công nghệ tiên tiến đáp ứng theo yêu cầu vị trí việc làm trong đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức Hải quan nhằm nâng cao năng lực đào tạo, đảm bảo đào tạo bồi dưỡng được thực hiện mọi lúc, mọi nơi; gắn công tác đào tạo, đánh giá năng lực với việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

+ Xây dựng mô hình luân chuyển để đào tạo, bồi dưỡng giữa các cấp, giữa các bộ phận trong cùng một đơn vị, trong từng lĩnh vực nghiệp vụ, giữa các lĩnh vực nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực giải quyết công việc, kinh nghiệm thực tiễn cho công chức, viên chức chuyên môn nghiệp vụ, công chức, viên chức lãnh đạo và trong quy hoạch các chức danh lãnh đạo.

+ Tăng cường liên chính hải quan.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ số

* Hệ thống công nghệ thông tin hải quan: Xây dựng Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin Hải quan số, Hải quan thông minh trên nền tảng số, cơ sở dữ liệu tập trung cấp Tổng cục, đáp ứng các yêu cầu:

- Hệ thống công nghệ thông tin hải quan gồm các thành tố:

+ Hệ thống công nghệ thông tin nghiệp vụ hải quan hiện đại, thông minh, đáp ứng các yêu cầu quản lý hải quan.

+ Hệ thống dịch vụ công điện tử, hướng tới dịch vụ công số thông minh, mức độ tự động hóa cao, tích hợp trên cổng dịch vụ công quốc gia:

. Tiếp nhận, trao đổi thông tin, tra cứu và theo dõi quá trình giải quyết thủ tục hành chính, trả kết quả thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục.

. Tiếp nhận, trao đổi các thông tin liên quan đến quá trình thực hiện thủ tục hải quan, quản lý Nhà nước về Hải quan với Ngân hàng, các bộ, ngành, cơ quan liên quan, các tổ chức, cá nhân trong nước, quốc tế.

. Trao đổi dữ liệu với hệ thống quản lý hải quan phục vụ quản lý, thông quan hàng hóa, phương tiện, ra quyết định về kết quả thực hiện thủ tục hành chính.

+ Hệ thống quản lý nội bộ ngành Hải quan hiện đại, tự động hóa các hoạt động quản lý nội ngành, đồng bộ với việc triển khai mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh. Hệ thống hỗ trợ công tác chỉ đạo, quản lý điều hành, thực thi các thủ tục hành chính nội bộ (quản lý nguồn nhân lực, quản lý kết quả công việc, quản lý tài chính, tài sản điện tử...) theo phương thức quản lý văn phòng điện tử.

- Yêu cầu về công nghệ và kỹ thuật của hệ thống:

+ Phát triển dữ liệu số hải quan tạo nền tảng cho triển khai Hải quan số, Hải quan thông minh bảo đảm cung cấp dữ liệu số cho các dịch vụ công trực tuyến, chia sẻ dữ liệu thông suốt giữa cơ quan Hải quan với các cơ quan quản lý nhà nước trong hệ thống chính trị của Việt Nam, cung cấp các bộ dữ liệu mở có chất lượng và giá trị khai thác cao, mở dữ liệu theo quy định của pháp luật để phát triển hệ sinh thái số và Hải quan số.

+ Ứng dụng mạnh mẽ thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Kết nối Internet vạn vật (IoT), Chuỗi khối (Blockchain), Trí tuệ nhân tạo (AI), Dữ liệu lớn (Bigdata), Phân tích thông minh (BI), Điện toán đám mây (Cloud), Di động (Mobility)).

+ Hệ thống công nghệ thông tin ngành Hải quan có mức độ tích hợp cao, tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về an ninh, an toàn thông tin, dễ dàng mở rộng khi có yêu cầu quản lý mới, đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của cơ quan hải quan; hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ các cấp.

* Cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN

Phát triển hệ thống công nghệ thông tin theo định hướng xử lý tập trung, đáp ứng yêu cầu triển khai mở rộng Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN nhằm đáp ứng yêu cầu xử lý tập trung thủ tục hành chính của các bộ, ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa cơ quan hải quan với: Các bộ, ngành; các cơ quan chức năng thuộc và trực thuộc các bộ, ngành; các đơn vị quản lý cửa khẩu, kiểm soát xuất nhập

cạnh; các bên có liên quan tham gia chuỗi dây chuyền cung ứng thương mại và cung cấp nền tảng cung cấp dịch vụ trao đổi thông tin giữa doanh nghiệp và doanh nghiệp trong dây chuyền cung ứng thương mại quốc tế và các dịch vụ khác như thanh toán, nộp lệ phí,... Nâng cấp Hệ thống một cửa quốc gia và ASEAN đáp ứng yêu cầu kết nối, trao đổi thông tin với hải quan các nước trong khu vực và trên thế giới theo quy định tại các Hiệp định thương mại tự do và các Hiệp định mà Việt Nam ký kết theo đúng lộ trình, bao gồm: Liên minh kinh tế Á - Âu, Hàn Quốc, New Zealand,...

d) Hiện đại hóa cơ sở vật chất

- Hiện đại hóa máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; kết nối hệ thống công nghệ thông tin với việc sử dụng các trang thiết bị, máy móc hiện đại, ứng dụng công nghệ trực tuyến, giảm thiểu sự can thiệp của công chức trong các khâu kiểm tra, giám sát.

- Đầu tư, trang bị cơ sở vật chất hiện đại đáp ứng việc triển khai áp dụng quản lý hải quan trên nền tảng ứng dụng công nghệ của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Đầu tư hiện đại hóa hệ thống trụ sở làm việc của các đơn vị Hải quan, trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại phục vụ kiểm tra, giám sát hải quan và các hoạt động liên quan đáp ứng yêu cầu hiện đại với mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh, mô hình thông quan tập trung.

e) Hợp tác, hội nhập quốc tế về Hải quan

- Nâng cao hiệu quả tham gia, tăng cường đóng góp trong các cơ chế hợp tác và hội nhập hải quan tại các khuôn khổ ASEAN, WTO, APEC, ASEM, WCO, GMS... trên cơ sở các định hướng chung về hợp tác và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

- Thúc đẩy, làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác song phương với các nước đối tác, chú trọng các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, các nước bạn bè truyền thống. Cử đại diện Hải quan Việt Nam tại một số nước đối tác/khu vực quan trọng, trọng điểm. Triển khai nghiêm túc các hiệp định, thỏa thuận, chương trình hợp tác với các nước đã thiết lập hành lang pháp lý. Từng bước mở rộng hoạt động hợp tác với các nước tại các khu vực có tiềm năng phát triển trên cơ sở nghiên cứu có chọn lọc, đảm bảo việc hợp tác đi vào chiều sâu và mang lại lợi ích thực chất cho mục tiêu quản lý hải quan của Việt Nam.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế về hải quan và tạo thuận lợi thương mại mà Việt Nam tham gia, đẩy mạnh quá trình nội luật hóa các cam kết đồng bộ với hệ thống pháp luật trong nước, trong đó chú trọng đến các cam kết trong khuôn khổ ASEAN, WTO và các hiệp định thương mại tự do (FTA), các hiệp định đối tác, hợp tác kinh tế mà Việt Nam đã ký kết, đảm bảo tuân thủ lộ trình thực hiện, đáp ứng đầy đủ nội dung và mức độ đã cam kết.

- Tranh thủ sự hợp tác, khai thác các nguồn hỗ trợ kỹ thuật từ các đối tác, tiếp thu kiến thức và kinh nghiệm quản lý hải quan tiên tiến để đóng góp cho tiến trình cải cách, hiện đại hóa các quy trình, thủ tục hải quan nhằm tạo thuận lợi cho thương mại hợp pháp và công tác thực thi pháp luật hải quan, đồng thời phát triển nguồn nhân lực của Hải quan Việt Nam đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan hiệu lực, hiệu quả.

g) Hợp tác giữa cơ quan hải quan với các bên liên quan

- Hợp tác với các cơ quan quản lý Nhà nước

Đẩy mạnh quan hệ hợp tác, phối hợp đi vào chiều sâu giữa cơ quan Hải quan với các cơ quan Nhà nước, Chính quyền địa phương, các tổ chức, trong thực hiện quản lý Nhà nước về Hải quan đảm bảo hiệu lực, hiệu quả.

- Phát triển quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp

+ Xây dựng quan hệ đối tác giữa cơ quan Hải quan với doanh nghiệp tin cậy để hình thành chuỗi cung ứng tin cậy trên cơ sở nghiên cứu, xây dựng và triển khai chương trình đối tác tin cậy với sự tham gia của các doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu và các đối tác thương mại của doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng.

+ Khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp tham gia phản biện hoàn thiện chính sách pháp luật hải quan; tham gia giám sát thực thi pháp luật hải quan; hợp tác nâng cao năng lực thực thi pháp luật của hải quan và doanh nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ công trong lĩnh vực hải quan.

+ Tăng cường hợp tác, đối thoại giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp nhằm tăng cường thông tin, thúc đẩy trao đổi và hiểu biết giữa hai bên.

- Phát triển đại lý làm thủ tục hải quan

Tiếp tục xây dựng và phát triển đại lý làm thủ tục hải quan chuyên nghiệp, đồng bộ, hiện đại, toàn diện và đa dạng hơn; hướng tới thực hiện áp dụng công nhận chế độ ưu tiên cho đại lý làm thủ tục hải quan. Từng bước thực hiện tự động hóa quản lý hoạt động khai hải quan của các đại lý làm thủ tục hải quan, nhân viên được cấp thẻ thông qua việc kiểm soát việc làm thủ tục hải quan.

h) Các nội dung khác

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cho cán bộ, công chức trong ngành Hải quan, các tổ chức, cá nhân và cộng đồng doanh nghiệp về chính sách pháp luật, các quy trình thủ tục hải quan; tranh thủ sự phối hợp, đồng tình ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong thực thi pháp luật hải quan. Sử dụng công, trang thông tin điện tử và mạng xã hội để thực hiện tuyên truyền, phổ biến cung cấp thông tin, tiếp nhận và phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp về công tác quản lý hải quan.

- Nghiên cứu, thực hiện xã hội hóa hoặc phát triển các hình thức liên kết đầu tư hoặc thuê dịch vụ; thuê mua theo hình thức công - tư đối với một số loại thiết bị chuyên dụng, một số dịch vụ công hoặc những hệ thống kỹ thuật, công nghệ đòi hỏi mức đầu tư lớn trong bối cảnh nguồn lực tài chính hạn chế. Huy động tổng hợp và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ cho các hoạt động cải cách, phát triển, hiện đại hóa hải quan từ các nguồn: Ngân sách, tài trợ từ nước ngoài, đầu tư của khu vực tư nhân.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức, thực hiện Chiến lược

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện chiến lược này; phê duyệt và chỉ đạo kế hoạch thực hiện các nội dung Chiến lược theo từng giai đoạn;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng Luật Hải quan thay thế Luật Hải quan hiện hành;

c) Hướng dẫn, đôn đốc các bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, nội dung có liên quan đến chiến lược;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, địa phương liên quan kiểm tra việc thực hiện chiến lược; giữa kỳ chiến lược tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện chiến lược; thực hiện tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chiến lược;

đ) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh mục tiêu, nội dung chiến lược trong trường hợp cần thiết;

e) Đảm bảo kinh phí để thực hiện Chiến lược.

2. Các bộ quản lý, kiểm tra chuyên ngành phối hợp với Bộ Tài chính triển khai thực hiện các nội dung có liên quan đến quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc phạm vi Chiến lược này.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát trình Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện Chiến lược.

4. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và địa phương liên quan thống nhất quy hoạch các cơ sở hải quan trong các quy hoạch thuộc thẩm quyền quản lý để thực hiện Chiến lược này.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm chỉ đạo, tham gia thực hiện các nội dung có liên quan của Chiến lược này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2h)

110

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Signature

Lê Minh Khái